

# Bản tin Phân tích kỹ thuật

---

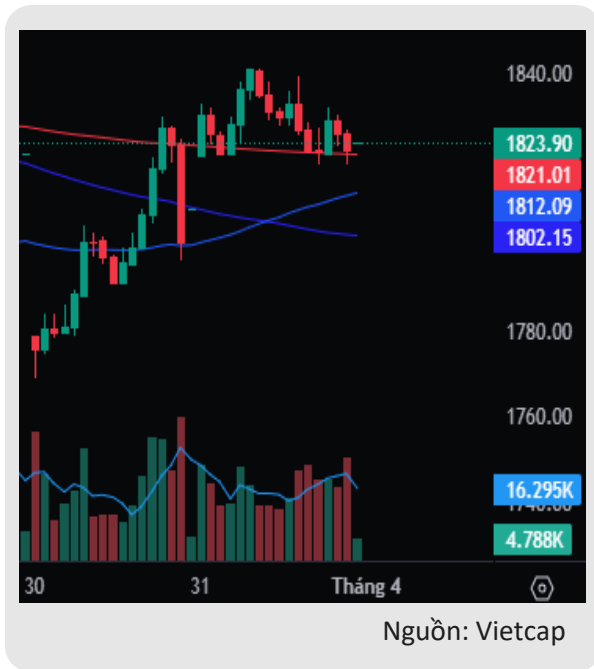
31/03/2026



**Vũ Minh Đức**  
Phó Giám đốc  
[duc.vu@vietcap.com.vn](mailto:duc.vu@vietcap.com.vn)  
+8428 3914 3588 ext.363

**Lê Hải Đăng**  
Chuyên viên  
[dang.le@vietcap.com.vn](mailto:dang.le@vietcap.com.vn)  
+8428 3914 3588 ext.570

# Chiến lược HDTL chỉ số VN30



## Nhận định:

- 4111G4000 thu hẹp một phần đà tăng sau khi tiếp cận vùng giá cao 1840 điểm. Cuối ngày, hợp đồng đóng cửa dưới đường MA20 thể hiện hoạt động giảm co ngắn hạn. (M15)
- Dự báo 4111G4000 sẽ tiếp cận lại khu vực 1.840 điểm nếu xuất hiện nến vượt ngưỡng 1.826 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên và dừng lỗ tại 1.821 điểm.

## Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.826 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.840 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.812 điểm

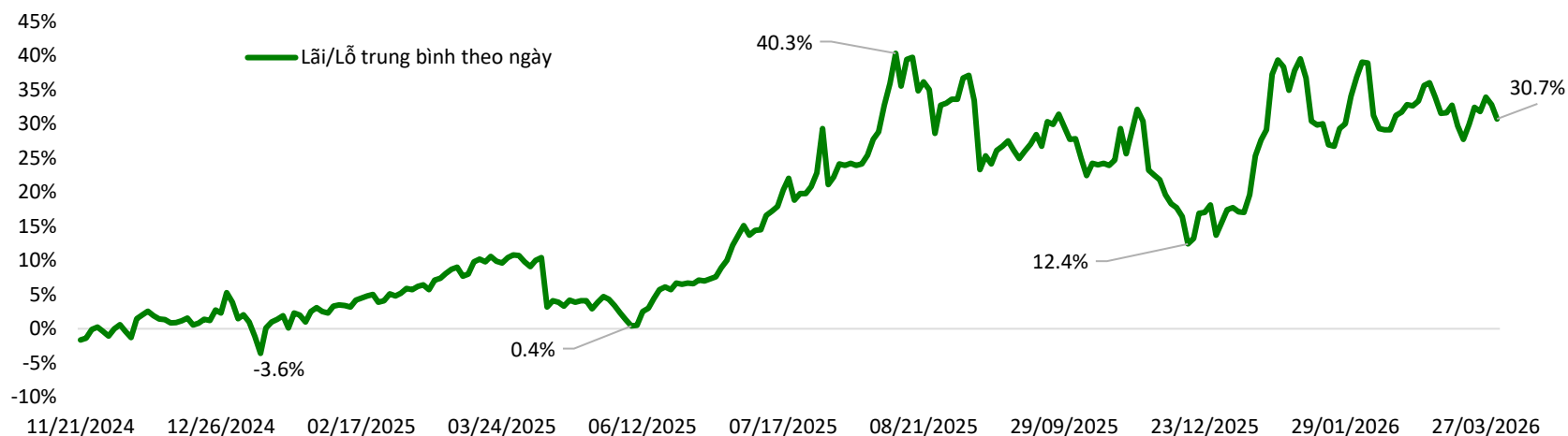
# Quan điểm kỹ thuật



- Về trạng thái cung cầu, nhịp tăng trong ngày được hỗ trợ bởi lực mua có độ lan tỏa rộng tại nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ và Tiêu dùng. Ở nhóm Bất động sản, mức độ bao phủ chưa cao nhưng lực cầu vẫn chiếm ưu thế. Ngược lại, nhóm Dầu khí chịu tác động rõ hơn từ lực bán khi VN-Index tiếp cận vùng giá cao.
- Đà hồi phục của VN-Index được củng cố nhờ hoạt động mua cải thiện tại nhóm ngành có tính dẫn dắt cao là Ngân hàng. Bên cạnh đó, việc thiếu vắng lực bán mạnh tiếp tục tạo điều kiện để chỉ số hướng lên vùng 1.700 (+/-10) điểm trong ngắn hạn, với hỗ trợ gần nhất tại khu vực 1.650 điểm.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, chúng tôi cho rằng VN-Index vẫn sẽ chịu tác động từ lực bán khi tiếp cận mốc 1.700 điểm, nhưng áp lực này nhiều khả năng chưa đủ mạnh để đảo chiều xu hướng hồi phục ngắn hạn hoặc phá vỡ hỗ trợ 1.650 điểm.
- Khuyến nghị chờ nhịp rung lắc quanh mốc 1.700 điểm để mở mới các vị thế ngắn hạn với tỷ trọng thăm dò, ưu tiên nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Bán lẻ và Bảo hiểm.

## Bảng theo dõi những vị thế đang mở

| BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ |            |           |            |              |        |                 |                |              |                    |                  |
|------------------------------------|------------|-----------|------------|--------------|--------|-----------------|----------------|--------------|--------------------|------------------|
| Mã                                 | Ngày mở    | Ngày đóng | Trạng thái | Giá hiện tại | Giá mở | Lãi/Lỗ hiện tại | Ngưỡng dừng lỗ | Giá mục tiêu | Ngưỡng dừng lỗ mới | Giá mục tiêu mới |
| BVH                                | 24/03/2026 |           | Đang mở    | 82,500       | 75,400 | 9.4%            | 71,000         | 82,500       | 80,000             | 92,000           |
| REE                                | 26/03/2026 |           | Đang mở    | 68,500       | 70,900 | -3.4%           | 65,800         | 79,000       |                    |                  |
| PC1                                | 26/03/2026 |           | Đang mở    | 28,300       | 28,100 | 0.7%            | 26,000         | 31,500       |                    |                  |
| CTD                                | 26/03/2026 |           | Đang mở    | 85,400       | 83,600 | 2.2%            | 80,400         | 92,000       |                    |                  |



# Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

| TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX |         |                        |                        |                     |                    |           |     |      |            |                 |                 |                 |
|------------------------------------|---------|------------------------|------------------------|---------------------|--------------------|-----------|-----|------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Mã                                 | Giá     | Thay đổi giá<br>1 ngày | Thay đổi giá<br>5 ngày | Vốn hóa<br>(tỷ VND) | Thay đổi<br>chỉ số | EPS trượt | PB  | PE   | Xu hướng   | Xu hướng<br>T-1 | Xu hướng<br>T-2 | Xu hướng<br>T-3 |
| VIC                                | 135,000 | 4.25%                  | 8.87%                  | 1,040,314           | 8.956              | 1,468     | 7.1 | 92.0 | Trung tính | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| BSR                                | 27,650  | -5.15%                 | 4.73%                  | 138,452             | -1.444             | 1,041     | 2.3 | 26.6 | Trung tính | Tích cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| GAS                                | 78,300  | -3.09%                 | -2.97%                 | 188,934             | -1.185             | 4,730     | 2.9 | 16.6 | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| MBB                                | 26,450  | 2.72%                  | 3.32%                  | 213,055             | 1.174              | 3,325     | 1.6 | 8.0  | Tích cực   | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| GVR                                | 31,700  | -4.23%                 | 10.45%                 | 126,800             | -1.087             | 1,406     | 2.2 | 22.5 | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Tiêu cực        |
| GEE                                | 197,500 | 6.99%                  | 27.01%                 | 72,285              | 1.024              | 8,918     | 9.0 | 22.2 | Tích cực   | Tích cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| VPB                                | 26,700  | 2.30%                  | 5.74%                  | 211,836             | 0.987              | 3,024     | 1.3 | 8.8  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| CTG                                | 34,600  | 1.62%                  | 3.13%                  | 268,736             | 0.880              | 4,454     | 1.5 | 7.8  | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |
| TCX                                | 51,200  | -2.29%                 | 1.19%                  | 118,353             | -0.549             | 2,713     | 2.7 | 18.9 | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| STB                                | 62,200  | 1.63%                  | 2.30%                  | 117,260             | 0.388              | 3,150     | 2.0 | 19.7 | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| MWG                                | 81,800  | 1.24%                  | 7.63%                  | 120,117             | 0.301              | 4,775     | 3.7 | 17.1 | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Tiêu cực        |
| BVH                                | 82,500  | -2.37%                 | 2.74%                  | 61,242              | -0.294             | 3,996     | 2.5 | 20.7 | Tích cực   | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| TCB                                | 30,700  | 0.66%                  | 2.85%                  | 217,548             | 0.289              | 3,577     | 1.3 | 8.6  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| HDB                                | 25,450  | 0.99%                  | 4.73%                  | 127,384             | 0.256              | 3,496     | 1.7 | 7.3  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Tiêu cực        |
| VPX                                | 29,550  | 2.25%                  | 0.17%                  | 55,406              | 0.253              | 2,298     | 1.6 | 12.9 | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |

# Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

| TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX |         |                        |                        |                     |                    |           |     |           |            |                 |                 |                 |
|--------------------------------|---------|------------------------|------------------------|---------------------|--------------------|-----------|-----|-----------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Mã                             | Giá     | Thay đổi giá<br>1 ngày | Thay đổi giá<br>5 ngày | Vốn hóa<br>(tỷ VND) | Thay đổi<br>chỉ số | EPS trượt | PB  | PE        | Xu hướng   | Xu hướng<br>T-1 | Xu hướng<br>T-2 | Xu hướng<br>T-3 |
| PVS                            | 40,900  | -4.44%                 | -0.24%                 | 20,917              | -0.210             | 3,616     | 1.4 | 11.3      | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| KSV                            | 165,100 | 2.42%                  | 21.76%                 | 33,020              | 0.180              | 9,851     | 6.5 | 16.8      | Tích cực   | Trung tính      | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| KSF                            | 81,900  | -0.97%                 | -0.12%                 | 73,693              | -0.161             | 17,478    | 4.2 | 4.7       | Tích cực   | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| NVB                            | 10,900  | 1.87%                  | 1.87%                  | 20,978              | 0.089              | 0         | 1.5 | 185,109.0 | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |
| MBS                            | 24,100  | 2.12%                  | 5.24%                  | 16,082              | 0.077              | 1,882     | 2.0 | 12.8      | Trung tính | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| DNP                            | 21,000  | 9.95%                  | 9.38%                  | 2,960               | 0.067              | 1,049     | 1.3 | 20.0      | Tích cực   | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| HHC                            | 167,000 | 9.44%                  | 10.74%                 | 2,743               | 0.058              | 3,003     | 4.1 | 55.6      | Tích cực   | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| HUT                            | 17,300  | 1.17%                  | 6.79%                  | 18,481              | 0.049              | 434       | 1.7 | 39.8      | Tích cực   | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| NTP                            | 56,100  | 2.00%                  | 2.19%                  | 9,595               | 0.043              | 5,805     | 2.3 | 9.7       | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| IDC                            | 49,300  | 1.02%                  | 10.29%                 | 18,709              | 0.043              | 5,090     | 2.9 | 9.7       | Tích cực   | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |

| TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM |         |                        |                        |                     |                    |           |      |        |            |                 |                 |                 |
|----------------------------------|---------|------------------------|------------------------|---------------------|--------------------|-----------|------|--------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Mã                               | Giá     | Thay đổi giá<br>1 ngày | Thay đổi giá<br>5 ngày | Vốn hóa<br>(tỷ VND) | Thay đổi<br>chỉ số | EPS trượt | PB   | PE     | Xu hướng   | Xu hướng<br>T-1 | Xu hướng<br>T-2 | Xu hướng<br>T-3 |
| VGI                              | 89,900  | -0.99%                 | 6.64%                  | 276,068             | -1.316             | 3,063     | 6.7  | 29.6   | Trung tính | Trung tính      | Tích cực        | Tích cực        |
| VCR                              | 48,800  | 22.00%                 | 31.89%                 | 10,234              | 1.082              | -368      | 6.8  | -132.3 | Tích cực   | Trung tính      | Tích cực        | Tích cực        |
| TIN                              | 147,200 | 14.11%                 | 15.00%                 | 13,420              | 0.910              | 11,764    | 6.7  | 12.5   | Tích cực   | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| VGR                              | 98,500  | 14.00%                 | 41.12%                 | 7,466               | 0.503              | 6,040     | 6.3  | 15.0   | Tích cực   | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| ACV                              | 45,300  | 0.44%                  | 2.03%                  | 162,344             | 0.346              | 3,026     | 2.3  | 15.0   | Trung tính | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| BVB                              | 12,400  | 5.98%                  | 5.98%                  | 7,893               | 0.227              | 682       | 1.1  | 18.1   | Trung tính | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| OIL                              | 15,500  | -2.52%                 | 4.73%                  | 16,083              | -0.195             | 420       | 1.5  | 37.0   | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| PAP                              | 27,000  | 3.85%                  | 8.87%                  | 9,468               | 0.175              | -2,116    | 4.9  | -12.5  | Tích cực   | Tích cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |
| MVN                              | 51,900  | -0.57%                 | 5.92%                  | 61,491              | -0.170             | 1,622     | 4.4  | 31.6   | Trung tính | Trung tính      | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| VUA                              | 15,500  | -10.92%                | -4.32%                 | 3,100               | -0.163             | 52        | 11.5 | 297.7  | Tiêu cực   | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |

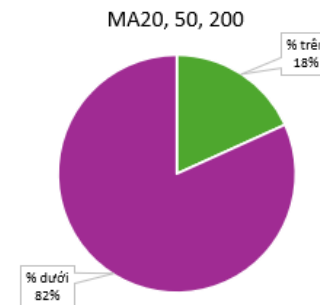
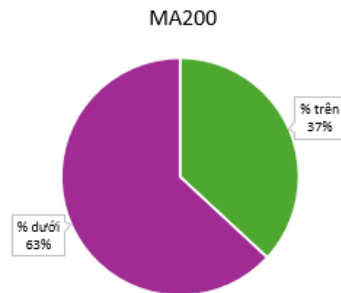
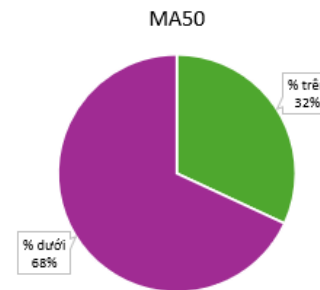
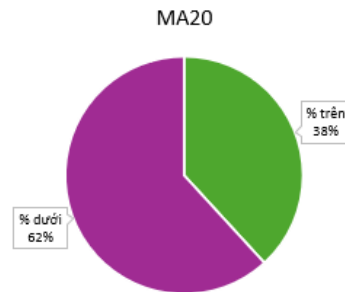
# Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

| VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN |        |              |               |                  |                       |                      |     |      |          |              |              |              |
|-------------------|--------|--------------|---------------|------------------|-----------------------|----------------------|-----|------|----------|--------------|--------------|--------------|
| Mã                | Giá    | Thay đổi Giá | GTGD (tỷ VND) | GTGD TB 30 phiên | Giá thấp nhất 52 tuần | Giá cao nhất 52 tuần | PB  | PE   | Xu hướng | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| VGR               | 98,500 | 14.0%        | 8.5           | 1.6              | 43,502                | 88,000               | 6.3 | 15.0 | Tích cực | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |
| PET               | 50,700 | 7.0%         | 130.3         | 89.5             | 16,453                | 47,400               | 2.2 | 21.0 | Tích cực | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |
| NAF               | 49,650 | 0.7%         | 31.4          | 38.1             | 16,273                | 49,300               | 4.3 | 23.3 | Tích cực | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |
| MST               | 9,000  | 7.1%         | 67.7          | 26.1             | 4,546                 | 8,600                | 0.9 | 36.4 | Tích cực | Tích cực     | Tích cực     | Tích cực     |

| KLGD ĐỘT BIẾN |         |              |               |                  |                       |                      |     |       |            |              |              |              |
|---------------|---------|--------------|---------------|------------------|-----------------------|----------------------|-----|-------|------------|--------------|--------------|--------------|
| Mã            | Giá     | Thay đổi Giá | GTGD (tỷ VND) | GTGD TB 30 phiên | Giá thấp nhất 52 tuần | Giá cao nhất 52 tuần | PB  | PE    | Xu hướng   | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| MKP           | 32,000  | 0.0%         | 11.5          | 0.5              | 23,600                | 35,300               | 0.7 | 192.7 | Trung tính | Trung tính   | Tích cực     | Trung tính   |
| TDM           | 55,000  | 0.9%         | 13.1          | 1.0              | 52,500                | 60,000               | 2.4 | 29.0  | Tiêu cực   | Tiêu cực     | Tiêu cực     | Tiêu cực     |
| SMC           | 12,500  | 6.8%         | 10.5          | 2.6              | 5,700                 | 16,800               | 0.9 | 5.5   | Trung tính | Trung tính   | Trung tính   | Tiêu cực     |
| TIN           | 147,200 | 14.1%        | 16.4          | 4.7              | 16,800                | 147,900              | 6.7 | 12.5  | Tích cực   | Trung tính   | Trung tính   | Trung tính   |
| BSI           | 36,350  | 6.9%         | 32.8          | 14.9             | 31,850                | 57,000               | 1.6 | 18.1  | Trung tính | Tiêu cực     | Tiêu cực     | Tiêu cực     |
| BVB           | 12,400  | 6.0%         | 39.0          | 18.4             | 10,482                | 16,900               | 1.1 | 18.1  | Trung tính | Tiêu cực     | Tiêu cực     | Tiêu cực     |

# Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

---





## Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

| Ngày    |       |      | 31/03/2026 | 30/03/2026 | 27/03/2026 | 26/03/2026 | 25/03/2026 | 24/03/2026 | 23/03/2026 | 20/03/2026 |
|---------|-------|------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| VNINDEX | MA200 | Trên | 30%        | 31%        | 31%        | 28%        | 29%        | 26%        | 24%        | 30%        |
|         |       | Dưới | 70%        | 69%        | 69%        | 72%        | 71%        | 74%        | 76%        | 70%        |
|         | MA50  | Trên | 27%        | 26%        | 25%        | 23%        | 24%        | 19%        | 16%        | 23%        |
|         |       | Dưới | 73%        | 74%        | 75%        | 77%        | 76%        | 81%        | 84%        | 77%        |
|         | MA20  | Trên | 44%        | 39%        | 39%        | 29%        | 28%        | 18%        | 14%        | 20%        |
|         |       | Dưới | 56%        | 61%        | 61%        | 71%        | 72%        | 82%        | 86%        | 80%        |
| VN30    | MA200 | Trên | 37%        | 37%        | 40%        | 27%        | 30%        | 20%        | 23%        | 33%        |
|         |       | Dưới | 63%        | 63%        | 60%        | 73%        | 70%        | 80%        | 77%        | 67%        |
|         | MA50  | Trên | 0%         | 0%         | 0%         | 0%         | 3%         | 0%         | 0%         | 3%         |
|         |       | Dưới | 100%       | 100%       | 100%       | 100%       | 97%        | 100%       | 100%       | 97%        |
|         | MA20  | Trên | 50%        | 33%        | 27%        | 23%        | 20%        | 10%        | 7%         | 10%        |
|         |       | Dưới | 50%        | 67%        | 73%        | 77%        | 80%        | 90%        | 93%        | 90%        |
| HNX     | MA200 | Trên | 42%        | 40%        | 38%        | 38%        | 38%        | 36%        | 36%        | 39%        |
|         |       | Dưới | 58%        | 60%        | 62%        | 62%        | 62%        | 64%        | 64%        | 61%        |
|         | MA50  | Trên | 36%        | 35%        | 33%        | 31%        | 32%        | 27%        | 29%        | 33%        |
|         |       | Dưới | 64%        | 65%        | 67%        | 69%        | 68%        | 73%        | 71%        | 67%        |
|         | MA20  | Trên | 42%        | 40%        | 38%        | 38%        | 38%        | 36%        | 36%        | 39%        |
|         |       | Dưới | 58%        | 60%        | 62%        | 62%        | 62%        | 64%        | 64%        | 61%        |
| UPCOM   | MA200 | Trên | 34%        | 35%        | 33%        | 31%        | 31%        | 27%        | 25%        | 28%        |
|         |       | Dưới | 66%        | 65%        | 67%        | 69%        | 69%        | 73%        | 75%        | 72%        |
|         | MA50  | Trên | 33%        | 33%        | 32%        | 31%        | 32%        | 29%        | 28%        | 30%        |
|         |       | Dưới | 67%        | 67%        | 68%        | 69%        | 68%        | 71%        | 72%        | 70%        |
|         | MA20  | Trên | 39%        | 38%        | 37%        | 37%        | 38%        | 36%        | 37%        | 39%        |
|         |       | Dưới | 61%        | 62%        | 63%        | 63%        | 62%        | 64%        | 63%        | 61%        |

# Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

| Ngành 17 |                          | Tháng 3 |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----------|--------------------------|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|          |                          | 31 ↓    | 30 | 27 | 26 | 25 | 24 | 23 | 20 | 19 | 18 | 17 | 16 | 13 | 12 | 11 | 10 | 09 | 06 | 05 | 04 |
| ↗        | 1 Y tế                   | 67      | 69 | 66 | 65 | 66 | 65 | 64 | 65 | 66 | 62 | 63 | 60 | 60 | 73 | 74 | -  | -  | -  | -  | -  |
|          | 2 Điện, nước & xăng d... | 59      | 61 | 66 | 67 | 65 | 61 | 62 | 64 | 63 | 62 | 62 | 63 | 64 | 62 | 58 | 54 | 62 | 75 | 80 | 80 |
|          | 3 Bảo hiểm               | 57      | 57 | 51 | 52 | 48 | 41 | 35 | 34 | 31 | 32 | 31 | 30 | 31 | 31 | 31 | 28 | 33 | 35 | 37 | 47 |
| 4        | Bán lẻ                   | 54      | 53 | 53 | 50 | 45 | 40 | 39 | 43 | 44 | 44 | 44 | 48 | 50 | 51 | 43 | 39 | 43 | 52 | 56 | 63 |
| 5        | Xây dựng và Vật liệu     | 52      | 50 | 49 | 47 | 42 | 37 | 38 | 42 | 39 | 40 | 42 | 45 | 41 | 37 | 36 | 34 | 38 | 44 | 44 | 47 |
| ↘        | 6 Tài nguyên Cơ bản      | 50      | 50 | 46 | 46 | 45 | 45 | 48 | 50 | 51 | 49 | 50 | 51 | 55 | 54 | 54 | 48 | 46 | 48 | 51 | 55 |
|          | 7 Ô tô và phụ tùng       | 50      | 50 | 46 | 44 | 39 | 34 | 33 | 33 | 37 | 40 | 43 | 43 | 42 | 40 | 39 | 36 | 37 | 42 | 44 | 50 |
| !        | 8 Dầu khí                | 48      | 49 | 53 | 53 | 52 | 50 | 54 | 60 | 66 | 61 | 63 | 67 | 75 | 80 | 78 | 77 | 83 | 90 | 91 | 93 |
| 9        | Bất động sản             | 47      | 48 | 39 | 37 | 34 | 28 | 27 | 31 | 31 | 32 | 32 | 30 | 28 | 22 | 20 | 19 | 20 | 24 | 26 | 25 |
| 10       | Hàng & Dịch vụ Cộn...    | 43      | 41 | 44 | 43 | 39 | 36 | 39 | 44 | 47 | 46 | 45 | 47 | 52 | 53 | 50 | 50 | 56 | 62 | 63 | 68 |
| 11       | Hàng cá nhân & Gia ...   | 43      | 44 | 45 | 43 | 41 | 39 | 43 | 48 | 51 | 53 | 52 | 52 | 58 | 59 | 58 | 49 | 56 | 63 | 68 | 71 |
| ↘        | 12 Hóa chất              | 38      | 40 | 43 | 39 | 37 | 37 | 42 | 48 | 54 | 52 | 55 | 60 | 67 | 66 | 63 | 60 | 64 | 69 | 72 | 78 |
| 13       | Thực phẩm và đồ uố...    | 38      | 37 | 34 | 33 | 31 | 30 | 30 | 34 | 36 | 38 | 38 | 38 | 38 | 37 | 35 | 31 | 33 | 38 | 41 | 43 |
| 14       | Ngân hàng                | 37      | 35 | 32 | 32 | 31 | 26 | 28 | 33 | 36 | 37 | 35 | 34 | 35 | 35 | 36 | 31 | 35 | 37 | 40 | 43 |
| 15       | Dịch vụ tài chính        | 34      | 34 | 34 | 32 | 28 | 27 | 29 | 30 | 33 | 36 | 36 | 36 | 39 | 42 | 43 | 42 | 51 | 59 | 55 | 54 |
| 16       | Du lịch và Giải trí      | 34      | 33 | 31 | 25 | 20 | 18 | 19 | 21 | 21 | 20 | 21 | 25 | 25 | 25 | 23 | 22 | 24 | 27 | 31 | 31 |
| 17       | Công nghệ Thông tin      | 14      | 16 | 13 | 13 | 12 | 10 | 10 | 11 | 11 | 12 | 12 | 10 | 10 | 11 | 11 | 10 | 10 | 13 | 13 | 14 |

## Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

| Mã  | Giá     | Tăng giảm<br>1 phiên | Tăng giảm<br>5 phiên | Vốn hóa<br>(tỷ đồng) | PB  | PE     | EPS    | KLGD<br>(tỷ đồng) | Xu hướng | Sum | Xu hướng<br>T-1 | Xu hướng<br>T-2 | Xu hướng<br>T-3 |
|-----|---------|----------------------|----------------------|----------------------|-----|--------|--------|-------------------|----------|-----|-----------------|-----------------|-----------------|
| GEE | 197,500 | 7.0%                 | 27.0%                | 72,285               | 9.0 | 22.2   | 8,918  | 398.2             | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Trung tính      | Trung tính      |
| FOX | 87,000  | -0.2%                | 10.5%                | 64,957               | 6.0 | 19.0   | 4,627  | 34.7              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| GMD | 79,500  | 1.3%                 | 7.6%                 | 33,906               | 2.6 | 20.0   | 3,986  | 155.9             | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| DCM | 48,300  | -1.4%                | 6.5%                 | 25,570               | 2.4 | 13.1   | 3,702  | 350.0             | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| ABB | 14,800  | 1.4%                 | 7.2%                 | 20,795               | 1.2 | 5.6    | 2,640  | 29.1              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Trung tính      |
| IDC | 49,300  | 1.0%                 | 10.3%                | 18,709               | 2.9 | 9.7    | 5,090  | 176.8             | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| HUT | 17,300  | 1.2%                 | 6.8%                 | 18,481               | 1.7 | 39.8   | 434    | 99.5              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| SIP | 61,200  | 2.0%                 | 10.1%                | 14,817               | 2.9 | 11.2   | 5,464  | 29.5              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |
| VCR | 48,800  | 22.0%                | 31.9%                | 10,234               | 6.8 | -132.3 | -368   | 7.3               | Tích cực | 9.5 | Trung tính      | Tích cực        | Tích cực        |
| CTD | 85,400  | 1.7%                 | 5.0%                 | 9,095                | 1.0 | 11.6   | 7,388  | 86.3              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| KOS | 39,050  | 0.0%                 | 0.6%                 | 8,454                | 3.6 | 446.2  | 88     | 12.1              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| TOS | 170,900 | 0.6%                 | 4.3%                 | 7,671                | 3.7 | 7.5    | 22,710 | 7.6               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| VGR | 98,500  | 14.0%                | 41.1%                | 7,466                | 6.3 | 15.0   | 6,040  | 8.5               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| PET | 50,700  | 7.0%                 | 19.7%                | 5,411                | 2.2 | 21.0   | 2,415  | 130.3             | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| MIG | 20,100  | 1.5%                 | 7.5%                 | 4,251                | 1.6 | 13.0   | 1,542  | 12.1              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| MSH | 37,600  | 0.9%                 | 4.3%                 | 4,231                | 2.2 | 6.9    | 5,456  | 5.4               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| TNG | 26,400  | 2.7%                 | 13.8%                | 3,399                | 1.7 | 8.3    | 3,172  | 69.3              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| NAF | 49,650  | 0.7%                 | 2.3%                 | 3,038                | 4.3 | 23.3   | 2,134  | 31.4              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| MST | 9,000   | 7.1%                 | 5.9%                 | 1,022                | 0.9 | 36.4   | 247    | 67.7              | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Tích cực        | Tích cực        |
| DLG | 2,920   | 0.0%                 | 14.5%                | 874                  | 0.9 | 2.4    | 1,219  | 5.1               | Tích cực | 9.5 | Tích cực        | Trung tính      | Trung tính      |

## Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

| Mã  | Giá    | Tăng giảm<br>1 phiên | Tăng giảm<br>5 phiên | Vốn hóa<br>(tỷ đồng) | PB  | PE    | EPS   | KLGD<br>(tỷ đồng) | Xu hướng | Sum  | Xu hướng<br>T-1 | Xu hướng<br>T-2 | Xu hướng<br>T-3 |
|-----|--------|----------------------|----------------------|----------------------|-----|-------|-------|-------------------|----------|------|-----------------|-----------------|-----------------|
| PLX | 40,400 | -2.4%                | 1.5%                 | 51,332               | 2.0 | 19.0  | 2,122 | 169.8             | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| DGC | 50,200 | 2.2%                 | -4.4%                | 19,065               | 1.3 | 6.3   | 7,965 | 126.5             | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| KDC | 48,800 | -0.4%                | 1.6%                 | 14,143               | 2.0 | 27.0  | 1,807 | 7.9               | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| VGT | 12,200 | 0.8%                 | 2.5%                 | 6,089                | 0.8 | 7.0   | 1,745 | 9.1               | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| DDV | 27,400 | -1.1%                | 1.5%                 | 4,012                | 1.8 | 6.4   | 4,318 | 39.8              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |
| CSV | 27,000 | 0.2%                 | 3.1%                 | 2,983                | 1.9 | 14.3  | 1,891 | 11.4              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| SHI | 14,000 | -0.7%                | 0.0%                 | 2,379                | 1.3 | 46.8  | 299   | 13.1              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |
| YEG | 10,000 | 0.5%                 | 0.7%                 | 1,918                | 0.9 | 21.6  | 463   | 14.0              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| LAS | 16,900 | -2.3%                | 1.8%                 | 1,907                | 1.3 | 11.6  | 1,455 | 16.7              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Trung tính      |
| PLC | 22,900 | -1.3%                | 1.8%                 | 1,850                | 1.5 | 136.4 | 168   | 11.2              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| KSB | 16,050 | 0.3%                 | 0.3%                 | 1,837                | 0.7 | 11.9  | 1,351 | 13.4              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| VOS | 12,600 | -0.4%                | 0.8%                 | 1,764                | 0.8 | 5.8   | 2,177 | 12.2              | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| CTF | 18,300 | -0.3%                | -1.6%                | 1,750                | 1.8 | 192.1 | 95    | 5.5               | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| DRI | 12,200 | -5.4%                | 0.0%                 | 929                  | 1.3 | 5.9   | 2,150 | 6.8               | Tiêu cực | -7.5 | Trung tính      | Trung tính      | Tiêu cực        |
| VCB | 58,100 | 0.2%                 | -0.2%                | 485,465              | 2.2 | 13.8  | 4,210 | 319.8             | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| BID | 39,400 | -0.1%                | 0.8%                 | 286,835              | 1.7 | 9.2   | 4,275 | 287.2             | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |
| FPT | 74,700 | 0.9%                 | -0.9%                | 127,252              | 3.5 | 13.5  | 5,515 | 423.4             | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| VNM | 60,500 | -0.2%                | -1.1%                | 126,442              | 4.1 | 13.4  | 4,503 | 324.0             | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |
| LPB | 41,900 | -0.1%                | 0.0%                 | 125,167              | 2.7 | 11.0  | 3,824 | 44.8              | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| VRE | 25,750 | 0.4%                 | 1.8%                 | 58,512               | 1.2 | 9.1   | 2,837 | 64.2              | Tiêu cực | -5.5 | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |

# Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

| Mã  | Giá    | Thay đổi giá<br>1 ngày | Thay đổi giá<br>5 ngày | Giá mục tiêu | % Upside | EPS trượt | PB  | PE    | Xu hướng   | Xu hướng<br>T-1 | Xu hướng<br>T-2 | Xu hướng<br>T-3 |
|-----|--------|------------------------|------------------------|--------------|----------|-----------|-----|-------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| DXS | 7,430  | 2.77%                  | 19.84%                 | 13,600       | 83.0%    | 581       | 0.7 | 12.8  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| DGC | 50,200 | 2.24%                  | -4.38%                 | 91,200       | 81.7%    | 7,965     | 1.3 | 6.3   | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| STK | 14,050 | 0.36%                  | -6.33%                 | 25,500       | 81.5%    | 357       | 1.1 | 39.4  | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| KDH | 26,000 | -0.19%                 | 4.00%                  | 43,700       | 68.1%    | 936       | 1.6 | 27.8  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Tiêu cực        |
| DXG | 14,550 | 1.75%                  | 6.20%                  | 24,000       | 64.9%    | 229       | 1.1 | 63.7  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| NLG | 29,000 | 0.87%                  | 2.84%                  | 45,800       | 57.9%    | 1,805     | 1.1 | 16.1  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| FPT | 74,700 | 0.95%                  | -0.93%                 | 116,600      | 56.1%    | 5,515     | 3.5 | 13.5  | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| SSI | 26,950 | 1.51%                  | 4.05%                  | 40,800       | 51.4%    | 1,974     | 2.1 | 13.7  | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| GEX | 37,000 | 1.93%                  | 10.12%                 | 54,000       | 45.9%    | 1,638     | 1.9 | 22.6  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| SZC | 29,150 | -0.34%                 | 5.05%                  | 42,400       | 45.5%    | 1,916     | 1.6 | 15.2  | Trung tính | Trung tính      | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| ACV | 45,300 | 0.44%                  | 2.03%                  | 64,600       | 42.6%    | 3,026     | 2.3 | 15.0  | Trung tính | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| VPB | 26,700 | 2.30%                  | 5.74%                  | 38,000       | 42.3%    | 3,024     | 1.3 | 8.8   | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| PVS | 40,900 | -4.44%                 | -0.24%                 | 58,100       | 42.1%    | 3,616     | 1.4 | 11.3  | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| NVL | 14,150 | 2.17%                  | 6.79%                  | 20,000       | 41.3%    | 884       | 0.7 | 16.0  | Tích cực   | Trung tính      | Tích cực        | Tích cực        |
| PVT | 21,800 | -0.23%                 | 2.83%                  | 30,800       | 41.3%    | 2,208     | 1.2 | 9.9   | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| PLC | 22,900 | -1.29%                 | 1.78%                  | 31,900       | 39.3%    | 168       | 1.5 | 136.4 | Tiêu cực   | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| VGC | 46,900 | 4.69%                  | 8.94%                  | 64,100       | 36.7%    | 3,130     | 2.4 | 15.0  | Trung tính | Tiêu cực        | Tiêu cực        | Tiêu cực        |
| BWE | 43,000 | 0.58%                  | 2.02%                  | 58,700       | 36.5%    | 4,506     | 1.6 | 9.5   | Trung tính | Tiêu cực        | Trung tính      | Tiêu cực        |
| BMI | 17,000 | -0.29%                 | 3.03%                  | 23,100       | 35.9%    | 1,726     | 0.9 | 9.9   | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |
| ACB | 23,550 | -0.84%                 | 1.95%                  | 32,000       | 35.9%    | 3,042     | 1.3 | 7.7   | Trung tính | Trung tính      | Trung tính      | Trung tính      |

# Khuyến cáo

---

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

# Thông tin liên hệ

---

## Phòng Research

**Duc Vu, Associate Director**

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

**Research team**

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

**Nam Hoang, Head of Research**

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

## Brokerage and Institutional Sales & Trading

**Anthony Le**

**Director, Brokerage &  
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

**Quynh Chau**

**Managing Director  
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn